

Bản án số: 128/2021/HS-PT

Ngày: 09 - 03 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Hoàng Minh Thịnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị H3 Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 588/2020/TLPT- HS ngày 22 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị Th do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2020/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- *Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:*

1. Nguyễn Văn X, sinh năm 1953 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Th, xã Th1, huyện Th2, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc hợp tác xã Thủy sản TL; trình độ văn hóa: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Nh (chết) và bà Nguyễn Thị X (chết); vợ Nguyễn Thị H (sinh năm 1954), có 07 người con lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giam từ ngày 12/9/2019 cho đến nay (vắng mặt)

2. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1960 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp Th3, xã Th1, huyện Th2, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn S (chết) và bà Trần Thị H (chết), chồng Đặng Văn T (không có

đăng ký kết hôn và hiện nay không còn sống chung), bị cáo có một người con sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Cao Ngọc T, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Nhà công vụ Trường tiểu học A, xã A, huyện Th2, tỉnh Bến Tre; thường trú: ấp A1, xã A, huyện Th2, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Th:* Luật sư Nguyễn Bá T – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 51 bị hại, 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hợp tác xã Thủy sản TL (viết tắt là Hợp tác xã) Th ấp Th, xã Th1, huyện Th2, tỉnh Bến Tre được thành lập vào năm 2004 do Nguyễn Văn X làm Giám đốc (đến tháng 3/2019), Nguyễn Thị Th và chị Phan Thị Nhung E làm Kế toán, chị Văn Thị Ch làm Thủ quỹ. Từ khi hoạt động đến năm 2013, Hợp tác xã có chủ trương huy động vốn trong và ngoài xã viên Hợp tác xã để nuôi nghêu. Đến năm 2014, Hợp tác xã chỉ huy động vốn của những người là xã viên Hợp tác xã, nếu người không phải là xã viên Hợp tác xã muốn góp vốn nuôi nghêu thì tự liên hệ với xã viên Hợp tác xã không có nhu cầu góp vốn để thỏa thuận góp vốn (lấy tên của thành viên Hợp tác xã để góp vốn, không được đứng tên trong danh sách góp vốn).

Cũng trong thời gian này, Nguyễn Văn X do làm ăn thua lỗ, vay tiền của người khác để trả nợ vay Ngân hàng cho người thân trong gia đình, nợ tiền vốn và lãi nuôi nghêu (sau khi thu tiền của xã viên không nộp vào Hợp tác xã mà sử dụng vào mục đích cá nhân) và mất khả năng chi trả nên từ năm 2015, Nguyễn Văn X đã tự ý huy động và thu tiền, đồng thời yêu cầu Nguyễn Thị Th cùng tham gia huy động, thu tiền góp vốn nuôi nghêu của các cá nhân là xã viên Hợp tác xã và không phải là xã viên Hợp tác xã (đa số các cá nhân này không phải là xã viên Hợp tác xã) để lấy tiền trả vốn và lãi vay, trả vốn và lãi cho những người góp vốn nuôi nghêu (lấy tiền của người góp vốn sau trả cho người góp vốn trước). Khi huy động vốn, Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị Th nói dối là Hợp tác xã đến đợt huy động vốn nuôi nghêu nhưng xã viên góp vốn không đủ, xã viên có người rút vốn, có người cần tiền xây nhà chia lại phần vốn nuôi nghêu. Để tạo lòng tin cho các cá nhân góp vốn, khi nhận tiền của họ, Nguyễn Văn X viết biên

nhận, ký tên, đóng dấu của Hợp tác xã hoặc kêu Nguyễn Thị Th viết phiếu thu, viết biên nhận, ký tên ở các mục “Kế toán trưởng”, “Người lập phiếu”, “Thủ quỹ” hay “Người nhận tiền” rồi đưa cho Nguyễn Văn X ký tên và đóng dấu của Hợp tác xã đưa cho các cá nhân góp vốn. Phiếu thu, biên nhận này chỉ để các cá nhân góp vốn tin tưởng giao tiền, không có giá trị pháp lý để nhận tiền của Hợp tác xã khi thanh toán vốn đã góp và phân chia lợi nhuận do những cá nhân này không có tên trong danh sách xã viên góp vốn nuôi nghêu của Hợp tác xã.

Sau đó, các cá nhân góp vốn biết Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Th không nộp tiền của họ vào nguồn vốn nuôi nghêu của Hợp tác xã và những phiếu thu, biên nhận mà Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Th đưa cho họ không hợp lệ nên không được Hợp tác xã thanh toán vốn và lãi nên làm đơn tố cáo đến các cơ quan chức năng. Cụ thể, Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Th đã huy động và thu tiền góp vốn của các cá nhân như sau:

(Các trường hợp ghi “(X, Th)” dưới đây là Nguyễn Thị Th tham gia giúp Nguyễn Văn X huy động vốn, viết phiếu thu, biên nhận thu tiền hoặc tham gia thu tiền của các cá nhân góp vốn. Các trường hợp ghi “(X)” là do Nguyễn Văn X trực tiếp huy động, viết biên nhận và thu tiền của các cá nhân góp vốn).

1. Ngày 15-11-2017, chị Lê Thị K, sinh năm 1973, ngụ ấp Th, xã Th1, huyện Th2 góp 300.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1 (X, Th).

2. Ngày 18-02-2015, anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1951, ngụ đường B, khu phố 2, thị trấn M, huyện M góp 350.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 (X, Th).

3. Ngày 07-4-2017, chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, ngụ ấp Th, xã Th1, huyện Th2 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 và ngày 29-10-2017 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1. Tổng cộng: 150.000.000 đồng (X, Th).

4. Ngày 17-6-2016, chị Lê Thị E, sinh năm 1955, ngụ ấp Th, xã Th1, huyện Th2 góp 60.000.000 đồng nuôi nghêu sân BT và ngày 25-11-2017 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3. Tổng cộng: 160.000.000 đồng (X).

5. Ngày 01-4-2017, chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974, ngụ ấp Th3, xã Th1, huyện Th2 góp 30.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 và ngày 29-10-2017 góp 15.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1. Tổng cộng: 45.000.000 đồng (X, Th).

6. Ngày 01-4-2017, chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1961, ngụ ấp Th4, xã Th1, huyện Th2 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 và ngày 29-10-2017 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1. Tổng cộng 150.000.000 đồng (X, Th).

7. Ngày 01-4-2017, anh Lê Văn Đ, sinh năm 1962, ngụ khu phố M, phường 7, thành phố B góp 200.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 (X, Th).

8. Ngày 15-12-2016, anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1968, ngụ ấp Th4, xã Th1, huyện Th2 góp 30.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 và ngày 01-3-2017 góp 30.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2. Tổng cộng 60.000.000 đồng (X).

9. Ngày 15-12-2016, anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1962, ngụ khu phố 6, phường P, thành phố B góp 30.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 (X).

10. Ngày 13-12-2016, anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1962, ngụ ấp G, xã L, huyện G1 góp 70.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 (X).

11. Ngày 20-11-2016, anh Lưu Văn Đ, sinh năm 1961, ngụ ấp G2, xã G3, huyện Th2 góp 300.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 (X).

12. Ngày 20-01-2017, anh Đoàn Văn L, sinh năm 1964 và chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1969, cùng ngụ ấp Th3, xã Th1, huyện Th2 góp 200.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3, ngày 29-3-2017 góp 200.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 và ngày 28-10-2017 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1. Ngoài ra, vào ngày 04-01-2017 góp 150.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 3 và ngày 18-5-2018 góp 250.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 2. Tổng cộng: 750.000.000 đồng (X, Th).

13. Ngày 30-11-2016, anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1957, ngụ ấp Th3, xã Th1, huyện Th2 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 và ngày 06-01-2017 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3. Tổng cộng 150.000.000 đồng (X, Th).

14. Ngày 09-02-2017, anh Bùi Văn H, sinh năm 1964, ngụ ấp Th5, xã Th1, huyện Th2 góp 60.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 và ngày 19-10-2017 góp 30.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1. Tổng cộng: 90.000.000 đồng (X, Th).

15. Ngày 20-3-2017, anh Đặng Minh Ch, sinh năm 1976, ngụ đường T, phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh góp 450.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 (X, Th).

16. Từ năm 2015-2018, anh Lê Th (Lê Văn L2), sinh năm 1958, ngụ ấp B1, xã B2, thành phố B góp 2.912.960.300 đồng (X, Th). X đã trả cho anh Thanh 1.604.737.533 đồng.

17. Anh Thái Bình Ngh, sinh năm 1957, ngụ đường N, phường B3, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Ngày 09-10-2016, góp 150.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 và ngày 21-11-2016 góp 350.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3.

- Ngày 25-7-2017, góp 2.200.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2.

- Ngày 22-10-2017, góp 1.500.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1.

- Ngày 21-3-2018, góp 200.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 2.

Tổng cộng: 4.400.000.000 đồng (X, Th).

18. Ngày 22-10-2017, anh Ngô Chí C, sinh năm 1957, ngụ đường D, phường 15, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh góp 400.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1 (X, Th).

19. Ngày 22-10-2017, anh Đặng Vũ Minh C, sinh năm 1963, ngụ chung cư A, phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh góp 1.000.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1 và ngày 24-3-2018 góp 200.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 2. Tổng cộng: 1.200.000.000 đồng (X, Th).

20. Ngày 24-3-2018, chị Thái Nhã Tr, sinh năm 1986, ngụ phường P1, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh góp 200.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 2 (X, Th).

21. Ngày 13-11-2016, anh Nguyễn Văn O, sinh năm 1967, ngụ ấp Th3, xã Th1, huyện Th2 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3, ngày 20-3-2017 góp 300.000.000 đồng nuôi sân lô 2 và ngày 07-11-2017 góp 50.000.000 đồng nuôi sân lô 1. Tổng cộng 450.000.000 đồng (X, Th).

22. Ngày 09-3-2018, anh Lê Hoàng Ph, sinh năm 1959, ngụ khu phố 1, phường 4, thành phố B góp 60.000.000 đồng nuôi sân lô 2 (X, Th).

23. Ngày 09-3-2018, anh Phan Chánh Th1, sinh năm 1960, ngụ khu phố 1, phường P, thành phố B góp 50.000.000 đồng nuôi sân lô 2 (X, Th).

24. Ngày 09-3-2018, anh Lê Hoàng Th2, sinh năm 1973, ngụ khu phố 3, phường 8, thành phố B góp 50.000.000 đồng nuôi sân lô 2 (X, Th).

25. Ngày 09-3-2018, chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1964, khu phố B4, phường 6, thành phố B góp 40.000.000 đồng nuôi sân lô 2 (X, Th).

26. Ngày 01-4-2017, anh Lê Hữu Th3, sinh năm 1973, ngụ ấp A2, xã M2, huyện Th2 góp 50.000.000 đồng nuôi sân lô 1 (X, Th).

27. Ngày 01-4-2017, ông Nguyễn Văn Th4, sinh năm 1949, ngụ ấp Th, xã Th1, huyện Th2 góp 10.000.000 đồng nuôi sân lô 2 (X, Th).

28. Ngày 27-7-2017, chị Nguyễn Ngọc Th5, sinh năm 1985, ngụ ấp Th, xã Th1, huyện Th2 góp 30.000.000 đồng nuôi sân BT (X).

29. Ngày 01-4-2017, anh Lê Văn Đ, sinh năm 1953, ngụ ấp Th, xã Th1, huyện Th2 góp 20.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 (X, Th).

30. Ngày 02-5-2018, anh Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1972, ngụ ấp Th6, xã T, huyện Th2 góp 65.000.000 đồng nuôi lô sân 2 và ngày 22-10-2018 góp 15.000.000 đồng nuôi sân lô 1. Tổng cộng: 80.000.000 đồng (X, Th).

31. Ngày 30-3-2017, anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1965, ngụ ấp TL, xã Th1, huyện Th2 góp 20.000.000 đồng nuôi sân lô 2 (X, Th).

32. Ngày 24-3-2017, anh Huỳnh Văn A, sinh năm 1965, ngụ ấp TL, xã Th1, huyện Th2 góp 20.000.000 đồng nuôi sên lô 2 (X, Th).

33. Ngày 07-11-20017, anh Phan Văn I, sinh năm 1977, ngụ ấp TL, xã Th1, huyện Th2 góp 20.000.000 đồng và ngày 17-11-2017 góp 10.000.0000 đồng nuôi nghêu sên lô 1. Tổng cộng: 30.000.000 đồng (X, Th).

34. Ngày 24-10-2017, anh Huỳnh Văn R (R), sinh năm 1961, ngụ ấp G4, xã G3, huyện Th2 góp 45.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 1 (X, Th).

35. Anh Trần Văn H, sinh năm 1969, ngụ ấp Th5, xã Th1, huyện Th2:

- Ngày 21-11-2016, góp 200.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sên lô 3.

- Ngày 28-11-2017, góp 300.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 3.

- Ngày 01-4-2017, góp 300.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 2.

- Ngày 18-10-2017, góp 200.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 1.

- Ngày 07-11-2017, góp 300.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 1.

Tổng cộng: 1.300.000.000 đồng (X, Th).

36. Ngày 16-3-2018, anh Trần Quốc D, sinh năm 1976, ngụ khu phố M, phường 7, thành phố B góp 150.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sên lô 2 (X).

37. Ngày 06-11-2017, anh Huỳnh Văn H1, sinh năm 1967, ngụ ấp A3, xã A4, huyện Th2 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô số 1 (X, Th).

38. Ngày 28-3-2018, anh Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1976, ngụ số ấp Th6, xã Th7, huyện Th2 góp 40.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 2 (X, Th).

39. Ngày 04-4-2017, anh Dương Văn Đ, sinh năm 1983, ngụ ấp TL, xã Th1, huyện Th2 góp 20.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 2 (X, Th).

40. Ngày 13-3-2017, chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1966, ngụ ấp 10, thị trấn Th2, huyện Th2 góp 40.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 2 (X, Th).

41. Anh Lê Thành L, sinh năm 1964, ngụ khu phố 4, thị trấn Th2, huyện Th2 vào ngày 20-11-2017 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 2 và ngày 08-3-2018 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 1 (X, Th). Tổng cộng: 100.000.000 đồng.

42. Ngày 20-3-2017, anh Lê Văn Tr, sinh năm 1965, ngụ ấp 10, thị trấn Th2, huyện Th2 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 2 (X, Th).

43. Ngày 07-3-2017, anh Nguyễn Tấn S, sinh năm 1977, ngụ ấp T3, xã Th7, huyện M góp 50.000.000 đồng nuôi sên lô số 2 và ngày 15-10-2017 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sên lô 1. Tổng cộng: 100.000.000 đồng (X, Th).

44. Ngày 07-3-2017, chị Mai Thị L, sinh năm 1976, ngụ ấp 7, thị trấn Th2, huyện Th2 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 và ngày 15-10-2017 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1. Tổng cộng: 150.000.000 đồng (X, Th).

45. Ngày 07-3-2017, anh Lê Văn S, sinh năm 1963, ngụ khu phố 4, thị trấn Th2, huyện Th2 góp 200.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 và ngày 15-10-2017 góp 150.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 1. Tổng cộng: 350.000.000 đồng (X, Th).

46. Ngày 14-3-2017, chị Phan Thị Ng, sinh năm 1986, ngụ thị trấn Th2 góp 40.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô số 2; ngày 24-5-2018, chị Ng góp 10.000.000 đồng và bà Phạm Thị H3 (mẹ chồng chị Ng), sinh năm 1958, ngụ cùng địa chỉ góp 40.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2. Tổng cộng: 90.000.000 đồng (X, Th).

47. Ngày 14-3-2017, chị Diệp Thị Mỹ Ng1, sinh năm 1990, ngụ khu phố 3, thị trấn Th2, huyện Th2 góp 40.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 (X, Th).

48. Ngày 16-3-2018, anh Phạm Minh Đ1, sinh năm 1962, ngụ ấp N, xã M4, huyện G1 góp 100.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 2 (X).

49. Ngày 16-3-2018, chị Phạm Thị Như Y, sinh năm 1982, ngụ ấp P3, xã P4, thành phố B góp 20.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 2 (X).

50. Ngày 17-3-2017, anh Huỳnh Cao Nh, sinh năm 1968, ngụ ấp Th7, xã Th1, huyện Th2 góp 40.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 2 (X).

51. Ngày 16-11-2016, chị Đỗ Thị G, sinh năm 1960, ngụ ấp Th4, xã Th1, huyện Th2 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 (X) và ngày 02-3-2017 góp 20.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 2 (X, Th). Ngày 21-4-2017, góp 70.000.000 đồng nuôi sân lô 2 (X, Th). Tổng cộng: 140.000.000 đồng.

52. Ngày 20-11-2016, anh Cao Ngọc T, sinh năm 1965, ngụ ấp A5, xã A, huyện Th2 góp 100.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô 3 và ngày 05-01-2017 góp 10.000.000 đồng chia lại vốn nuôi nghêu sân lô 3. Tổng cộng: 110.000.000 đồng (X, Th).

53. Ngày 17-5-2017, anh Nguyễn Văn Hoàng M, sinh năm 1974, ngụ ấp Th4, xã Th1, huyện Th2 góp 50.000.000 đồng nuôi nghêu sân lô số 2 (X, Th).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị Th khai nhận và qua xác minh tại Hợp tác xã Thủy sản TL thì toàn bộ số tiền Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Th huy động và thu tiền như đã nêu trên không được X và Th đưa vào Hợp tác xã để góp vốn nuôi nghêu như nội dung huy động vốn mà Nguyễn Văn X trực tiếp hoặc đưa cho Nguyễn Thị Th sử dụng vào mục đích cá nhân.

Từ năm 2015 đến năm 2018, tổng số tiền Nguyễn Văn X đã thu của các cá nhân là 16.262.960.300 đồng. Trong đó, X trực tiếp viết biên nhận và thu

630.000.000 đồng, Nguyễn Thị Th giúp Nguyễn Văn X viết phiếu thu, viết biên nhận và thu 15.632.960.300 đồng.

Nguyễn Văn X đã thanh toán được 2.244.737.533 đồng, gồm: chị Võ Thị Nh (vợ anh Nguyễn Văn L1) 100.000.000 đồng (còn 50.000.000 đồng), anh Bùi Văn H 30.000.000 đồng (còn 60.000.000 đồng), anh Cao Ngọc T 110.000.000 đồng (thanh toán xong), anh Thái Bình Ngh 400.000.000 đồng (còn 4.000.000.000 đồng) và anh Lê Th 1.604.737.533 đồng (còn 1.308.222.767 đồng). Ngoài ra, quá trình điều tra, chị Lê Thị V (con ruột anh Lê Văn Đ, được anh Đ ủy quyền) và anh Nguyễn Văn Hoàng M không yêu cầu xử lý hình sự đối với X, Th và không yêu cầu bồi thường số tiền đã góp vốn nuôi nghêu.

Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Văn X còn chiếm đoạt của các cá nhân với số tiền là 13.948.222.767 đồng, trong đó Nguyễn Thị Th giúp sức cho Nguyễn Văn X chiếm đoạt số tiền 13.318.222.767 đồng.

** Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2020/HSST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định:*

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn X, Nguyễn Thị Th phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn X** 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2019.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Th** 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Tách yêu cầu đòi tiền lãi của anh Cao Ngọc T để giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, việc thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Ngọc T kháng cáo yêu cầu xem xét về phần lãi suất, ông Toàn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:*

Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ và đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét, đánh giá vai trò và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo theo luật định. Mức hình phạt đã tuyên là phù hợp, đề nghị không chấp nhận yêu cầu này.

Về phần trách nhiệm dân sự: Trong vụ án này, bị cáo Th phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy bị cáo không được hưởng lợi nhưng có lỗi trong việc gây thiệt hại. Bản án sơ thẩm tuyên liên đới là không cụ thể, đề nghị đánh giá mức độ lỗi của bị cáo tương ứng với trách nhiệm bồi thường thiệt hại là 20%. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo về trách nhiệm dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu kháng cáo về lỗi suất của ông Cao Ngọc T là không có cơ sở chấp nhận, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu này để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

** Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm như sau:*

Bị cáo Th hiện đang bị bệnh suy tim; tại phiên tòa phúc thẩm đã cung cấp một số tình tiết giảm nhẹ mới mà cấp sơ thẩm chưa xem xét; Bị cáo không chiếm đoạt tiền của bị hại. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo giữ vai trò chính và là chủ mưu trong vụ án là bị cáo Nguyễn Văn X không kháng cáo; bị cáo Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Ngọc T kháng cáo yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền lãi suất.

[1] Trước hết, đối với yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị Th thấy rằng:

Chứng cứ thu thập có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo có đủ cơ sở xác định:

[1.1] Đã có đủ cơ sở xác định trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thị Th tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức, tạo điều kiện để bị cáo Nguyễn Văn X chiếm đoạt toàn bộ tài sản của người bị hại. Chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ gồm các biên bản lấy lời khai điều tra xác định toàn bộ số tiền của những người bị hại đều do bị cáo X chiếm đoạt, bị cáo Th không được ăn chia, hay hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt này. Tại phiên tòa sơ thẩm, hai bị cáo cũng đã khai nhận việc này. Từ đó cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo Nguyễn Thị Th phải liên đới bồi thường số tiền mà bị cáo X đã chiếm đoạt của người bị hại là không

phù hợp. Vì vậy, cần chấp nhận nội dung kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bị cáo Nguyễn Văn X phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho tất cả những người bị hại trong vụ án này.

[1.2] Từ việc xác định vai trò như trên, đồng thời xét trong vụ án này, bị cáo Th không hưởng lợi từ hành vi giúp sức về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn, việc thực hiện hành vi phạm tội do lệ Th bị cáo X. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp một số chứng cứ như: Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng Kỷ niệm chương, Ban chấp hành Liên đoàn lao động tỉnh Bến Tre tặng Bằng khen và Liên minh Hợp tác xã tỉnh Bến Tre tặng giấy khen... Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cân nhắc giảm nhẹ một phần hình phạt, để bị cáo có cơ hội sớm sửa chữa sai lầm của mình, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội ăn năn, hối cải.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan Cao Ngọc T thấy rằng:

Chứng cứ tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện, ông Toàn có góp vốn số tiền 110.000.000 đồng, nhưng đã nhận lại số tiền này, nay yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền lãi là 66.600.000 đồng.

Xét thấy, ông Toàn đã nhận lại số tiền vốn góp của mình, các bị cáo không chiếm đoạt số tiền của ông, nên việc yêu cầu bồi thường khoản tiền lãi suất là không có căn cứ. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận nội dung này là đúng pháp luật.

[3] Vì những nhận định trên cho thấy, yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th về phần trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở chấp nhận, riêng yêu cầu kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Ngọc T là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về những nội dung này.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận một phần, vì vậy bị cáo Th không phải chịu án phí phúc thẩm; ông Toàn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Th về phần trách nhiệm dân sự và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Cao Ngọc T; Sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 18/2020/HS-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về trách nhiệm dân sự và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Th.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn X và Nguyễn Thị Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58, Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th **09 (chín)** năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn X phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại trong vụ án là: 13.948.222.767 đồng (mười ba tỷ chín trăm bốn mươi tám triệu hai trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

* Gồm:

1. Lê Thị E 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng
2. Nguyễn Văn Ch 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng
3. Nguyễn Thành L 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng
4. Nguyễn Văn X 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu) đồng
5. Lưu Văn Đ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng
6. Nguyễn Ngọc Th5 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng
7. Trần Quốc D 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng
8. Phạm Minh Đ1 100.000.000 (một trăm triệu) đồng
9. Phạm Thị Như Y 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
10. Huỳnh Cao Nh 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng
11. Đỗ Thị G 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng
12. Lê Thị K 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng
13. Nguyễn Thành L 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng
14. Nguyễn Thị H 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng
15. Lê Thị E 100.000.000 (một trăm triệu) đồng
16. Nguyễn Thị L 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng

17. Nguyễn Thị L1 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng
18. Lê Văn Đ 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng
19. Đoàn Văn L (vợ là Trần Thị Tuyết M) 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu) đồng
20. Nguyễn Văn L1 (vợ là Võ Thị Nh) 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.
Do bà Võ Thị Nh nhận bồi thường.
21. Bùi Văn H 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng
22. Đặng Minh Ch 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng
23. Lê Th (Lê Văn L2) 1.308.222.767 (một tỷ ba trăm lẻ tám triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng.
24. Thái Bình Ngh 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng
25. Ngô Chí C 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng
26. Đặng Vũ Minh C 1.200.000.0000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng
27. Thái Nhã Tr 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng
28. Nguyễn Văn O 450.000.000 (bốn trăm năm mươi triệu) đồng
29. Lê Hoàng Ph 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng
30. Phan Chánh Th1 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
31. Lê Hoàng Th2 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
32. Nguyễn Thị M1 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng
33. Lê Hữu Th3 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
34. Nguyễn Văn Th4 10.000.000 (mười triệu) đồng
35. Huỳnh Ngọc S 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng
36. Nguyễn Hoàng K 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
37. Huỳnh Văn A 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
38. Phan Văn I 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng
39. Huỳnh Văn R 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng
40. Trần Văn H 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng
41. Huỳnh Văn H1 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
42. Nguyễn Tấn Ph 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng
43. Dương Văn Đ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng
44. Nguyễn Thị Kim H 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng

- 45. Lê Thành L 100.000.000 (một trăm triệu) đồng
- 46. Lê Văn Tr 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng
- 47. Nguyễn Tấn S 100.000.000 (một trăm triệu) đồng
- 48. Mai Thị L 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng
- 49. Lê Văn S và Cao Huỳnh Trang 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng
- 50. Phan Thị Ng và bà Phạm Thị H3 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng
- 51. Diệp Thị Mỹ Ng1 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng
- 52. Đỗ Thị G 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền bồi thường nêu trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn

Hoàng Minh Thịnh

Phạm Công Mươi